

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Số: 4.05/ĐTMT

Về việc công bố thông tin định kỳ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 4 năm 2024

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Mã chứng khoán: UDL

- Mã số doanh nghiệp: 6000179936

- Địa chỉ: 01 đường Đào Duy Từ - Phường Thống Nhất - Thành phố Buôn Ma Thuột -  
Tỉnh Đắk Lắk;

- Số điện thoại: 0262.3816886

- Số fax: 0262.3816886

- Email: dakurenco@moitruongdothidaklak.com.vn

2. Nội dung công bố thông tin

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk công bố thông tin “Báo cáo thường niên năm 2023” theo quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/4/2024 tại đường dẫn: moitruongdothidaklak.com.vn (mục quan hệ cổ đông)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Website Cty (thay thông báo);
- Lưu: VT.



**Bùi Văn Quý**

Số: ~~4~~04/BC-CTy

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 4 năm 2024

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**
- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: **DAK LAK URBAN AND ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **DAKURENCO**
- Người đại diện theo pháp luật:
  - + Ông Nguyễn Thanh Hà Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
  - + Ông Bùi Văn Quý Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000179936 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 05/9/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/05/2023.
- Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 66.200.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ - Phường Thống Nhất - Thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk;
- Số điện thoại: 0262. 3816 886
- Số fax: 0262. 3816886
- Website: <http://moitruongdothidaklak.com.vn>
- Mã cổ phiếu: UDL
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk tiền thân là Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường được thành lập theo Quyết định số 732/1999/QĐ-UB ngày 09 tháng 04 năm 1999 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Thành lập Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích (Trên cơ sở hợp nhất Nhà máy chế biến Phân bón Buôn Ma Thuột và Công ty Quản lý công trình đô thị).

Từ tháng 4 năm 1999 đến tháng 7 năm 2008 Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4006000009 ngày 26/4/1999, cấp lại lần thứ nhất ngày 02/12/2006;

Từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 6 năm 2019, Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 04/7/2008 của UBND tỉnh



Đắk Lắk; Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 và Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Từ tháng 6/2016 Công ty triển khai thực hiện Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Ngày 31/01/2019, Công ty tổ chức chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng với tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 2.891.200 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Giá trúng cao nhất là 13.700 đồng; giá trúng thấp nhất là 11.600 đồng; giá trúng bình quân là 12.081 đồng với tổng số nhà đầu tư trúng giá là 02 nhà đầu tư.

Ngày 25/6/2019, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000179936 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 05/9/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/05/2023 với vốn điều lệ là 66.200.000.000 đồng.

Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04-CPH/2019/GCNCP-VSD do VSD cấp ngày 22/5/2019 49/2019/GCNCP-VSD, cấp lại ngày 23/10/2019 với tổng số cổ phiếu đăng ký là: 6.620.000 cổ phiếu.

- Các sự kiện khác: Không có.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

+ Xây dựng công trình công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị

+ Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông cầu đường, xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;

+ Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;

+ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

+ Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ, Nghĩa trang

+ Đại lý du lịch; Hoạt động vui chơi, giải trí khác;

+ Trồng ra, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;

+ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng; hệ thống thoát nước mưa, nước thải;

+ Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải;

+ Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan

+ Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác

+ Thoát nước và xử lý nước thải.

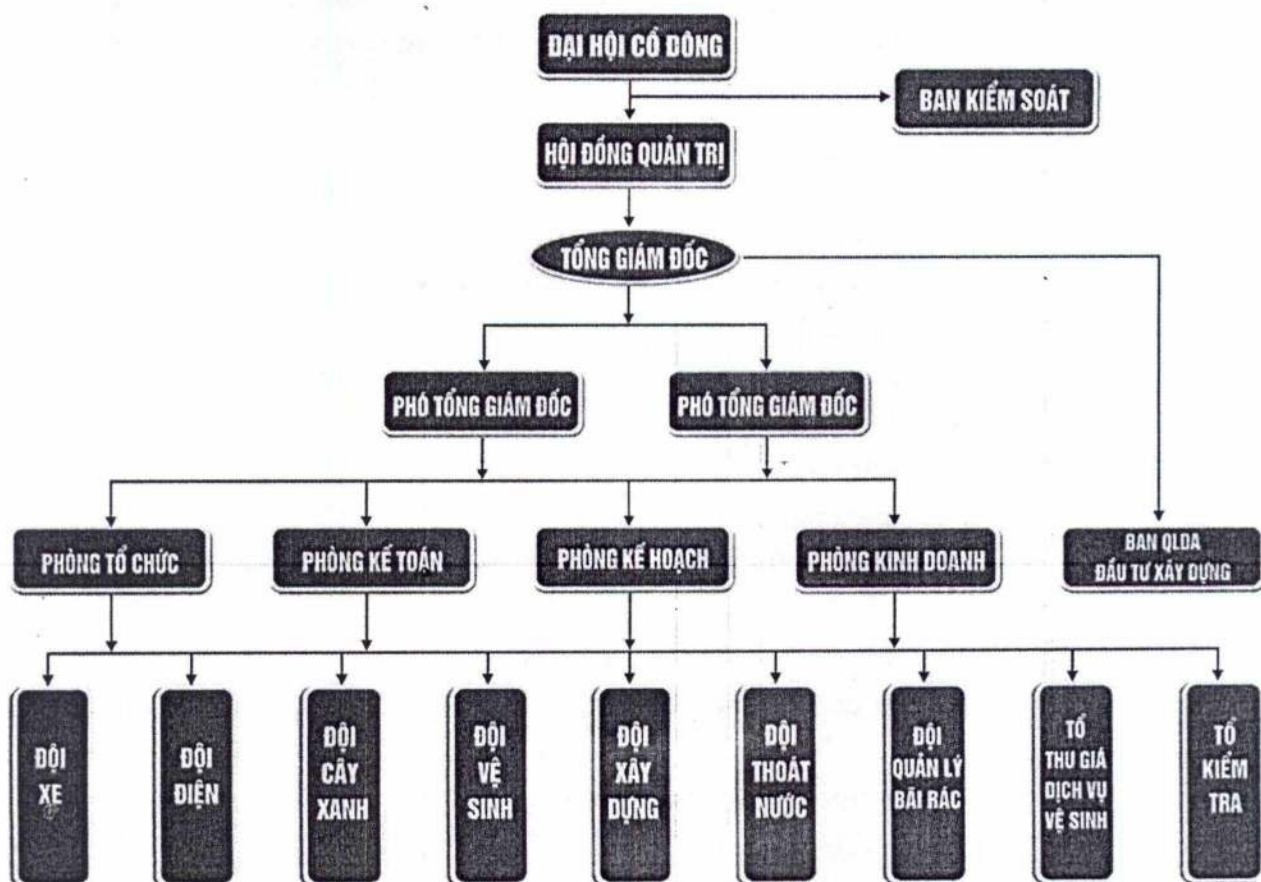
### **2.2. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.**



### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Công ty là một công ty cổ phần áp dụng mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

## 4. Định hướng phát triển

### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Sử dụng và huy động vốn trong sản xuất kinh doanh gắn với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương có hiệu quả nhằm tăng lợi nhuận.

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh đã nêu trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty, cổ đông và người lao động, đảm bảo quyền lợi và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Công ty đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chú trọng phát triển các dịch vụ Công ích Đô thị của Công ty, đây là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính quyết định đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế của thị trường trong



nước, cũng như quy hoạch phát triển của ngành Đô thị và Môi trường, ngày càng tiên tiến hơn, đồng thời từng bước khai thác thêm một số lĩnh vực dịch vụ theo ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty, mở rộng sang các ngành nghề lĩnh vực có tiềm năng phát triển và có sự tương đồng với hoạt động của Công ty.

- Xem xét đầu tư có trọng điểm, khai thác và sử dụng có hiệu quả phương tiện, trang thiết bị hiện có; đầu tư thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực có nguồn thu không từ ngân sách Nhà nước.

- Nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc. Sắp xếp, tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả. Xây dựng các kế hoạch, phương án giao khoán phù hợp cho những bộ phận trực thuộc, nhằm tăng cường tính chủ động, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động và thu nhập, khoán lương cho người lao động phù hợp với công việc đảm nhận. Qua đó tối ưu năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như tăng thu nhập cho người lao động.

#### **4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)**

- Phát triển doanh nghiệp phải gắn liền với mục tiêu bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với xã hội, làm công tác xã hội từ thiện, góp phần vào sự phát triển của xã hội và cộng đồng.

### **5. Các rủi ro**

#### **5.1. Rủi ro về kinh tế**

Theo nguồn báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giá trị tổng sản phẩm (GRDP) năm 2023 không đạt kế hoạch đề ra do ngành dịch vụ và công nghiệp, xây dựng không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19 trong thời gian trước tiếp tục tác động, kéo dài; tình hình thế giới có những yếu tố phức tạp mới đã tác động nhanh đến kinh tế của nước ta; nhiều đơn hàng sản xuất bị cắt giảm dẫn tới tình trạng ngừng sản xuất và thu hẹp quy mô trong hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo; sản lượng điện sản xuất không có sự tăng trưởng so cùng kỳ năm 2022...

Tốc độ tăng trưởng GRDP không đạt mục tiêu đề ra dẫn đến các chỉ tiêu khác như GRDP bình quân đầu người không đạt kế hoạch đề ra. Giải ngân vốn đầu tư công tuy có cải thiện nhưng vẫn còn thấp do có nhiều vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, thiếu đất đắp cho công trình do vướng mắc về quy hoạch mở đất khai thác thực hiện công trình. Bên cạnh đó, một số dự án lớn có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh vẫn chưa tìm được nhà đầu tư; thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, sụt giảm mạnh, đóng băng trong một thời gian dài đã khiến công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gặp nhiều khó khăn; các tổ chức tín dụng thực hiện kiểm soát tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, trong đó có bất động sản để hạn chế phát sinh nợ xấu nên phần nào ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng...

Do nguồn thu ngân sách địa phương không đạt kế hoạch đề ra, đặc biệt là nguồn thu từ tiền sử dụng đất đạt thấp dẫn đến thiếu vốn để thực hiện giải ngân cho các dự án và nhu cầu khởi công xây dựng các công trình mới, đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động xây dựng trên địa bàn.



Với tình hình chung đó, Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk cũng bị ảnh hưởng không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và cũng với những chính sách thích ứng của UBND Thành phố Buôn Ma Thuột, UBND tỉnh Đắk Lắk.

### **5.2. Rủi ro về pháp luật**

Là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường... Vì vậy, Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định pháp luật, để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý liên quan. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Công ty trong công tác quản trị khi Chính phủ đang hướng tới một hành lang pháp lý khoa học và chặt chẽ hơn.

Bên cạnh đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực Vệ sinh môi trường cũng chịu sự kiểm soát của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, Công ty luôn thực hiện theo dõi và cập nhật các quy định mới trong quá trình hoạt động, nhằm kịp thời giảm thiểu những rủi ro liên quan đến các vấn đề pháp lý và vận hành, đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn, gây thiệt hại cho các bên liên quan.

### **5.3. Rủi ro đặc thù**

Đặc thù hoạt động của Công ty là ngành dịch vụ công ích, vì vậy đơn giá dịch vụ của Công ty phụ thuộc vào khung quy định của cơ quan Nhà nước, cụ thể là nguồn kinh phí bố trí của UBND Thành phố Buôn Ma Thuột. Trong khi đó, các chi phí hoạt động của doanh nghiệp lại rất dễ biến động do ảnh hưởng từ giá cả đầu vào. Các dụng cụ, máy móc luôn cần được nâng cấp khiến chi phí hoạt động tăng cao qua từng năm; giá các loại nhiên liệu như xăng dầu dễ thay đổi theo diễn biến thị trường. Những chi phí giá đầu vào này thường không ổn định, vì vậy việc không thể điều chỉnh mức giá dịch vụ phù hợp khi có sự biến động sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Với sự phát triển của thế giới, nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đã đạt được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao. Chất lượng đời sống xã hội càng phát triển thì công tác dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố cũng tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã bộc lộ nhiều bất cập và tạo ra nhiều áp lực lớn lên môi trường.

Để có thể hạn chế các rủi ro từ nguồn cung ứng nhiều liệu cũng như áp lực về dịch vụ môi trường, Ban Lãnh đạo Công ty luôn phải đề ra các phương án dự phòng, xây dựng và điều chỉnh các chiến lược một cách hợp lý nhằm ứng phó kịp thời với những tình huống biến động xảy ra.

### **5.4. Rủi ro về môi trường**

Vấn đề môi trường cần được quan tâm một cách đặc biệt để đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và của thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng. Theo đó, ô nhiễm môi trường đang ở mức báo động trong phạm vi toàn quốc. Hiểu rõ được tình trạng đó, Công ty luôn chú trọng tìm cách đưa ra giải pháp nhằm đảm bảo vấn đề an toàn vệ sinh môi trường,

00  
C  
Đ  
Á  
Đ  
W



giảm thiểu những rủi ro mà liên quan đến sức khỏe cộng đồng, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở người dân. Công ty luôn ý thức về việc bảo vệ môi trường ở trong doanh nghiệp cũng như các khu vực hoạt động kinh doanh, ban hành các chính sách thắt chặt các biện pháp an toàn vệ sinh môi trường, đầu tư và nâng cao phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường.

Hoạt động chính của Công ty là công tác thu gom, vận chuyển rác thải; quét rác đường phố; quản lý, duy tu, bảo dưỡng nơi công cộng như: Hoa viên, công viên, lâm viên...trên địa bàn Thành phố. Do đó, yếu tố việc bảo vệ môi trường phục thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân, nếu hoạt động thu gom rác thải không thực hiện tốt sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của người dân và môi trường về sau. Cùng với sự phát triển của kinh tế, ô nhiễm môi trường và các sự cố về môi trường cũng gia tăng, lượng rác thải gia tăng đặt ra nhu cầu cấp thiết phải có những chính sách nhằm thích ứng, giảm nhẹ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

### **5.5. Rủi ro khác**

Với nhiều thời cơ và thách thức đan xen trong bối cảnh những khó khăn từ đầu năm 2023 vẫn kéo dài qua năm 2024 và dự báo còn ảnh hưởng đến năm 2025. Kinh tế thế giới đối mặt với đa khủng hoảng. Việt nam là nước đang phát triển do vậy việc khủng hoảng kinh tế thế giới ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế Việt Nam nói chung và của tỉnh Đắk Lắk nói riêng, nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế của tỉnh chịu ảnh hưởng tiêu cực cả trực tiếp lẫn gián tiếp, đặc biệt là hoạt động dịch vụ, xuất khẩu, tiêu dùng và hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Diễn biến thời tiết thất thường, nguyên nhiên vật liệu không ngừng tăng cao làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh tiêu thụ hàng hóa....Những rủi ro này có thể ít xảy ra nhưng cũng ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2023, thế giới trải qua nhiều biến động nhanh, khó lường cả về kinh tế, chính trị, xã hội, lạm phát ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt và tăng lãi suất kéo dài dẫn đến sự giảm nhu cầu tiêu dùng và đầu tư ở nhiều nước; rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản quốc tế gia tăng; những thách thức về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh năng lượng, lương thực, đói nghèo ngày càng lớn... Trong bối cảnh đó, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk cũng không tránh khỏi những khó khăn chung, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân bị thu hẹp đáng kể.

Với bối cảnh kinh tế trên để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định Hội đồng Quản trị đã đưa ra những đường lối, chủ trương để Ban Tổng giám đốc điều hành hiệu quả đạt được những mục tiêu, những kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra. Bên cạnh đó, cùng với sự đoàn kết và không ngừng phấn đấu của toàn thể cán bộ, công nhân lao động Công ty đã hoàn thành các tiêu chí theo kế hoạch cụ thể như sau:



## 1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực	Thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2022	Kế hoạch chỉ tiêu tài chính năm 2023	Kết quả thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2023	So sánh cùng kỳ (năm 2023/năm 2022)	So sánh (T/hiện/Kế hoạch)
1	Tổng Doanh thu	169.204	170.265	170.995	101,06	100,43
2	Tổng chi phí	155.012	156.056	156.420	100,91	100,23
3	Lợi nhuận trước thuế	14.192	14.209	14.575	102,7	102,58
4	Lợi nhuận sau thuế	11.026	11.367	11.552	104,77	101,63
5	Thu nhập bình quân	8,8	8,8	8,8	100	100

## 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

### - Về Doanh thu:

+ Doanh thu hoạt động trong lĩnh vực công ích: Vượt 1% so với kế hoạch và 6,9% so với cùng kỳ năm trước

+ Doanh thu hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng (Hoạt động Nghĩa trang): Giảm 24,27% so với kế hoạch; 35,79% so với cùng kỳ năm trước

+ Doanh thu tài chính: Vượt 78,63% kế hoạch và 63,44% so với cùng kỳ năm trước

Dẫn đến doanh thu tổng thể trong năm tăng 0,6% so với kế hoạch đề ra và tăng 1,06% so với cùng kỳ năm trước

### - Về chi phí:

+ Chi phí thực hiện năm 2023: 156.420 triệu đồng, so với chi phí thực hiện cùng kỳ năm 2022: 155.012 triệu đồng, tăng: 1.408 triệu đồng, tương đương 0,91 %. So với kế hoạch năm 2023: 156.056 triệu đồng, tăng 364 triệu đồng, tương đương: 0,23%. Tăng 0,91 % so với kế hoạch năm 2023

### - Về Lợi nhuận

+ Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023: So với lợi nhuận sau thuế thực hiện cùng kỳ năm 2022 tăng 4,77%. Tăng 1,63% so với lợi nhuận kế hoạch năm 2023

Qua các số liệu phân tích ở trên cho thấy, trong năm 2023, dưới sự quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc, các chỉ tiêu về tài chính đã đạt 100% so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành (tính đến ngày 31/12/2023)

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	2.388.600	36,082%
2	Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	5.100	0,077%
4	Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	5.000	0,076%



### 2.1.1. Lý lịch Ban điều hành

#### \* (ÔNG) BÙI VĂN QUÝ

- Chức vụ: Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 22/01/1964
- Nơi sinh: Đông Á – Đông Hưng – Thái Bình
- CCCD: 034064016192
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 82 Nguyễn Thông, Tp. Buôn Ma Thuột, T.Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 1988 - 1994	Cán bộ kỹ thuật Liên hiệp các Xí nghiệp Cà phê Đắk Lắk
Năm 1995 - 1999	Cán bộ kỹ thuật nhà máy Chế biến phân bón Buôn Ma Thuột, Quản đốc phân xưởng chế biến phân bón Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2000 - 2003	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2004 – 2008	Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2009 – 2012	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2013 – 2015	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2016 – 6/2019	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ Tháng 7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ đến nay: 2.388.600 cổ phần, chiếm 36,082 % Vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 5.400 cổ phần, chiếm 0,0815% Vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu của UBND tỉnh Đắk Lắk: 2.383.200 cổ phần, chiếm 36% Vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan:
- + Em gái: Bùi Thị Nga: 3.400 cổ phần, chiếm 0,051% Vốn điều lệ
- + Anh rể: Lê Hữu Hà: 600 cổ phần, chiếm 0,009% Vốn điều lệ
- + Em rể: Lê Văn Thê: 3.500 cổ phần, chiếm 0,053% Vốn điều lệ

#### \* (ÔNG) NGUYỄN HOÀNG NAM

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 05/8/1988
- Nơi sinh: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- CMND: 240980304



- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 149 Y Jút, P.Thắng Lợi, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2011 - 2017	Đội trưởng Đội xe Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam
Từ 2017 – 6/2019	Phó Giám đốc Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam
Từ tháng 7/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Hoàng Nam (Bố là ông Nguyễn Thanh Hà là Giám đốc): 3.323.400 cổ phần, chiếm 50,20 % Vốn điều lệ.

**\* (ÔNG) LÊ ĐÌNH TRUNG**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 01/9/1964
- Nơi sinh: Thanh Nho – Thanh Chương – Nghệ An
- CMND: 240388633
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 40 Lê Chân, P.EaTam, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1987 - 1995	Cán bộ Công ty Chăn nuôi Đắk Lắk
Từ 1996 - 2001	Cán bộ Nhà máy Chế biến phân bón Buôn Ma Thuột; nhân viên phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật, Đội phó Đội cây xanh Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Từ 2002 - 2014	Nhân viên, Trưởng bộ phận đấu nối đền bù giải tỏa Ban quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột; Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.
Từ 2015 – 6/2019	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ tháng 7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk



- Số cổ phần nắm giữ đến nay: 5.100 cổ phần, chiếm 0,077% Vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 5.100 cổ phần, chiếm 0,077% Vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Không có.

**\* (ÔNG): LÊ NGUYỄN VŨ**

- Ngày sinh: 25/10/1980
- Nơi sinh: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- CCCD: 66080006340
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 26 Trần Nguyên Hãn, P.Tự An, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 2003 - 2005	Kế toán tổng hợp Cty TNHH T.P Việt Nam, TP.Hồ Chí Minh
Năm 2005 - 2006	Kế toán công nợ Công ty TNHH Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên, TP. Hồ Chí Minh
Năm 2007 - 2008	Nhân viên chăm sóc phần mềm kế toán Dignet Công ty cổ phần Định Gia Nét, TP.Hồ Chí Minh
Năm 2008 – 2009	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Tư vấn xây dựng nước và môi trường KTV, TP.Buôn Ma Thuột
Năm 2009 -2010	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2011 – 2013	Phụ trách kế toán Xí nghiệp xây dựng công trình và dịch vụ chi nhánh Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2013 – 2014	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2014 – 6/2019	Phó phòng kế toán tài vụ Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ Tháng 07/2019 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.000 cổ phần, chiếm 0,076% Vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,076% Vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Không có.

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có**



**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

**\* Số lượng cán bộ, nhân viên (tính đến 31/12/2023)**

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Trình độ</b>	<b>742</b>	<b>100%</b>
1	Trên đại học	01	0,13%
2	Cao đẳng, đại học	121	16,31%
3	Trung cấp	57	7,68%
4	Sơ cấp	02	0,27%
4	Công nhân kỹ thuật	53	7,14%
5	Lao động phổ thông	508	68,46%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>742</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (1 – 3 năm)	160	21,56%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	578	77,90%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	0	
4	Không ký hợp đồng	04	0,54%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>742</b>	<b>100%</b>
1	Nam	394	55,1%
2	Nữ	348	46,9%

**\* Lương bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động	656	676	742
Lương bình quân (Đồng/người/tháng)	8.000.000	8.800.000	8.800.000

**\* Chính sách nhân sự:**

**- Chính sách đào tạo:**

Công tác đào tạo nguồn nhân lực trong Công ty luôn được chú trọng, hỗ trợ và tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên tham gia các đợt tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, học hỏi kinh nghiệm tại các đơn vị có lĩnh vực hoạt động tương tự.



Với đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, có nhiều kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực Đô thị - Môi trường. Đặc biệt, trình độ đội ngũ cán bộ lãnh đạo Công ty và đội ngũ CB CNLĐ ngày càng được nâng cao, nhiệt tình trong công tác.

#### **- Về chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:**

Thực hiện chế độ nâng lương, nâng bậc cho người lao động theo pháp luật lao động cũng như các chính sách của Nhà nước. Mức tiền lương, thưởng của Công ty được quyết định dựa vào mức hiệu quả lao động, thể hiện qua bảng lương hàng tháng được xây dựng bởi Công ty. Lao động tại Công ty được tính lương dựa vào phân loại lao động, như sau:

+ Người lao động gián tiếp (Bộ phận văn phòng): Trả lương, thưởng theo Quy chế trả lương, Quy chế thưởng của Công ty.

+ Người lao động trực tiếp (Công nhân): Khoán sản phẩm.

Ngoài ra, những người lao động khi tham gia vào Công ty đều được ký hợp đồng lao động và hưởng những chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo đúng quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Công ty còn tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Đối với những người lao động trực tiếp và có tính chất độc hại đều có chế độ nghỉ bù, dưỡng sức theo quy định, bảo hộ lao động được Công ty cấp phát đầy đủ và kịp thời.

Công ty cũng cung cấp các chế độ phúc lợi khác cho người lao động như chi thưởng vào các ngày lễ, Tết, tặng ca, ngoài giờ... nhằm đảm bảo lợi ích của người lao động và nâng cao tinh thần hăng say lao động. Bên cạnh đó, để đảm bảo lợi ích về mặt tinh thần cho Người lao động, Công ty luôn lắng nghe và cố gắng hỗ trợ những yêu cầu và nguyện vọng của tất cả nhân viên

### **3. Tình hình đầu tư thực hiện trong năm**

#### **3.1. Các khoản đầu tư:**

- Mua mới 02 xe cuốn ép rác loại 9m<sup>3</sup>  
- Tổng mức đầu tư: 2.356.000.000 đồng  
- Kết quả thực hiện: Đã thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp
- Mua mới 01 xe nâng người làm việc trên cao và 01 máy xay cành cây.  
- Kết quả thực hiện: Đã thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp
- Mua 02 xe ô tô tải 9,1 tấn (đã qua sử dụng)  
- Tổng mức đầu tư: 300.000.000 đồng  
- Kết quả thực hiện: Đã bàn giao và đưa vào sử dụng
- Mua mới 01 xe máy ủi  
- Tổng mức đầu tư: 833.000.000 đồng  
- Kết quả thực hiện: Đơn vị cung cấp đã bàn giao máy ủi để thực hiện vận hành thử 03 tháng trước khi nghiệm thu thanh toán
- Mua 01 xe Oto con 7 chỗ ngồi (đã qua sử dụng)  
- Kết quả thực hiện: Đã hoàn thành thủ tục mua bán

#### **3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có**



#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	537.951	456.546	84,87%
Doanh thu thuần	166.581	166.708	100,08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.351	14.162	86,61%
Lợi nhuận khác	(2.159)	412	-19,08%
Lợi nhuận trước thuế	14.192	14.575	102,70%
Lợi nhuận sau thuế	11.026	11.552	104,77%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	77,36%	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).



## 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<p>1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn</p>	1,64  1,59	1,93  1,87	
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</p>	0,14  0,16	0,13  0,15	
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</p> <p>+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản</p>	52,83  0,31	39,99  0,37	
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</p>	0,07  0,02  0,02  0,10	0,07  0,03  0,03  0,08	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 6.620.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 6.620.000 cổ phiếu.
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 6.195.100 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 424.900 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mã cổ phiếu: UDL
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu



## 5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước			
1	Cổ đông nhà nước	2.383.200	20.383.200.000	36%
2	Cổ đông Tổ chức	3.323.400	30.323.400.000	50,20%
3	Cổ đông Cá nhân	913.400	9.130.400.000	13,80%
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.620.000</b>	<b>66.200.000.000</b>	<b>100%</b>

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

## 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Từ khi cổ phần hóa đến nay Công ty hoạt động với vốn điều lệ là 66.200.000.000 đồng và không tiến hành thay đổi vốn điều lệ.

## 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

## 5.5. Các chứng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

### 6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính:

+ Phát thải trực tiếp: 17.753,26 tấn CO<sub>2</sub>

+ Phát thải gián tiếp: 124,8 tấn CO<sub>2</sub>

Các biện pháp giảm thiểu khí nhà kính: Trồng thêm nhiều cây xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, thường xuyên bảo dưỡng xe máy để giảm hao phí nhiên liệu.

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

#### \* Tổng lượng nguyên vật liệu:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên nguồn nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất cũng là nguồn năng lượng.

**Bảng 1: Nhiên liệu sử dụng năm 2023**

Nhiên liệu	Khối lượng
Điện (MkW)	184
Dầu Diesel (L)	359.675
Xăng A95 (L)	1.386
Xăng A92 (L)	28.556
Nhớt (L)	378

\* Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế: Không có



### 6.3 Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ (Bảng 1)
- Năng lượng tiết kiệm được qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Trong năm 2023 số lượng điện tiêu thụ tiết kiệm so với thiết kế cơ bản tiết kiệm được 36,40 %.
- Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Thay thế đèn Sodium bằng đèn Led thông minh với chế độ Dimming nhiều cấp để tiết kiệm năng lượng điện và phát triển hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng chiếu sáng.

### 6.4. Tiêu thụ nước

- \* Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
- \* Nguồn cung cấp nước: nước sạch sinh hoạt, nước giếng khoan, nước từ các sông suối, ao hồ trên địa bàn thành phố.

NỘI DUNG	Lượng nước tiêu thụ
Nước sạch sinh hoạt	149.002,83
Chăm sóc cây xanh đường phố, cây cảnh, cỏ thảm, bồn cảnh, đường viền các nơi công cộng	142.556,86
Chăm sóc cỏ thảm tại NMXLNT	1.230,00
Nước sử dụng vệ sinh các xe xả thải tại NMXLNT	1.265,00
Nước vận hành tại NMXLNT	3.950,97
<b>Nước sử dụng từ máy bơm</b>	<b>34.683,00</b>
Chăm sóc cây cảnh, cỏ thảm, bồn cảnh, đường viền các nơi công cộng	9.747,00
Chăm sóc cây cảnh, cỏ thảm, bồn cảnh, đường viền tại NMXLNT	24.936,00

#### \* Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Lượng nước thải xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tp BMT năm 2023: 2.715.164 m<sup>3</sup>
- Lượng nước tái sử dụng cho việc tưới tiêu năm 2023: 117.252m<sup>3</sup>
- Phần trăm lượng nước tái sử dụng: 4,32%

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp về môi trường: 0 lần
- Số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp về môi trường: 0 đồng

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

#### a) Số người lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2023 là 742 người. Trong đó lao động Nam là 394 người, Nữ là 348 người. Tiền lương bình quân là 8.800.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động



Nắm bắt được công việc hàng ngày của cán bộ, nhân viên, công nhân phải tiếp xúc với nhiều hóa chất, rác thải độc hại hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, bồi dưỡng bằng hiện vật, đồng thời thực hiện đóng bảo hiểm đầy đủ cho cán bộ, người lao động của mình.

Với người lao động trực tiếp: Được trang bị phương tiện lao động và công cụ lao động đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với các công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dùng, phù hợp và đảm bảo an toàn.

Công ty còn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhân các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm thành lập Công ty... tặng quà cho các cháu thiếu nhi có thành tích xuất sắc trong học tập vào các dịp ngày quốc tế thiếu nhi và tết Trung thu. Chi hỗ trợ tang gia, hiếu hỉ, thăm hỏi ốm đau, hoạn nạn; Tổ chức Tết Sum vầy cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, cán bộ công nhân lao động đã nghỉ hưu vui xuân đón tết...

**c) Hoạt động đào tạo người lao động**

Tổ chức các lớp tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ, công nhân lao động trong toàn Công ty

Công ty hỗ trợ, tổ chức cho các cán bộ, công nhân lao động đi học hỏi kinh nghiệm ở một số địa phương trên cả nước; tham gia các buổi hội nghị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo chuyên sâu người lao động... nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đó nâng cao chất lượng các dịch vụ công ích.

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng như: Tết trồng cây; Hưởng ứng chiến dịch làm cho Thế giới Xanh - Sạch - Đẹp do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức hàng năm.

Kêu gọi cán bộ, công nhân lao động hưởng ứng các hoạt động quyên góp, giúp đỡ cộng đồng ủng hộ, đóng góp cho Quỹ vì người nghèo, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ mái ấm Công đoàn, hỗ trợ cán bộ lao động có hoàn cảnh khó khăn.

Tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường, vệ sinh cảnh quan thành phố do Thành đoàn phát động.

Vận động người lao động tham gia các đợt hiến máu nhân đạo do Thành phố phát động.

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có**

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**1.1 Kết quả thực hiện**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023			% 2023/2022
			KH	TH	%TH/KH	
1.	Vốn điều lệ	66.200	66.200	66.200	100,00	100,00
2	Doanh thu và thu nhập	169.204	170.265	170.995	100,43	101,06



3	Tổng chi phí	155.012	156.056	156.420	100,23	100,91
4	Lợi nhuận trước thuế	14.192	14.209	14.575	102,58	102,70
5	LN trước thuế/vốn điều lệ	21,44	21,46	22,01	102,56	102,66
6	Lợi nhuận sau thuế	11.026	11.367	11.552	101,63	104,77
7	LN sau thuế/Vốn điều lệ	16,66	17,17	17,45	101,63	104,74

## 1.2 Đánh giá tình hình hoạt động và kết quả đạt được trong năm:

### \* Về Doanh thu:

- Doanh thu hoạt động trong lĩnh vực công ích: Hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra. Doanh thu vượt 1% so với kế hoạch và 6,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng (Hoạt động Nghĩa trang): Giảm 24,27% so với kế hoạch; 35,79% so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân do trên địa bàn thành phố, dự án xây dựng lò hỏa thiêu An Lạc Viên tại Thôn Hòa Nam Xã Ea Nuôl Huyện Buôn Đôn đã đi vào hoạt động, dẫn đến người dân sinh sống trên địa bàn thành phố có nhiều sự lựa chọn khi an táng hoặc hỏa táng người thân.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Vượt 78,63% kế hoạch và 63,44% so với cùng kỳ năm trước. Dẫn đến doanh thu tổng thể trong năm tăng 0,6% so với kế hoạch đề ra và tăng 1,06% so với cùng kỳ năm trước

### \* Về chi phí

Chi phí thực hiện năm 2023: 156.420 triệu đồng, so với chi phí thực hiện cùng kỳ năm 2022: 155.012 triệu đồng, tăng: 1.408 triệu đồng, tương đương 0,91 %. So với kế hoạch năm 2023: 156.056 triệu đồng, tăng 364 triệu đồng, tương đương: 0,23%. Các chi phí tăng tương ứng theo tỷ lệ tăng của doanh thu (chủ yếu chi phí của lĩnh vực hoạt động dịch vụ công ích)

### \* Về Lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023: 11.552 triệu đồng, so với lợi nhuận sau thuế thực hiện cùng kỳ năm 2022: 11.026 triệu đồng, tăng: 526 triệu đồng, tương đương 4,77%. So với lợi nhuận kế hoạch năm 2023: 11.367 triệu đồng, tăng 185 triệu đồng, tương đương 1,63%

Qua các số liệu phân tích ở trên cho thấy, trong năm 2023, dưới sự quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc, các chỉ tiêu về tài chính đã đạt 100% so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản:

STT	Chỉ Tiêu	31/12/2022	31/12/2023	2023/2022
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>121.804.774.528</b>	<b>115.646.756.581</b>	<b>94,94%</b>
1	Tiền & các khoản tương đương tiền	6.564.619.437	6.112.165.549	93,11%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.800.000.000	46.000.000.000	140,24%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	78.926.545.879	59.489.969.962	75,37%
4	Hàng tồn kho	3.296.459.445	3.865.472.626	117,26%
5	Tài sản ngắn hạn khác	217.149.767	179.148.444	82,50%



<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>416.126.556.255</b>	<b>340.899.279.329</b>	<b>81,92%</b>
1	Tài sản cố định	128.779.257.758	114.714.857.740	89,08%
2	Tài sản dở dang dài hạn	283.353.274.673	222.131.366.806	78,39%
3	Tài sản dài hạn khác	842.023.824	901.054.783	107,01%
4	Đầu tư tài chính dài hạn	3.152.000.000	3.152.000.000	100,00%
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>537.951.330.783</b>	<b>456.546.035.910</b>	<b>84,87%</b>

Tổng tài sản năm 2023 có thay đổi khá lớn về tỷ trọng, giảm 15,13% so với năm 2022, trong đó chi tiết về tỷ lệ tài sản ngắn hạn giảm 6,89% và tỷ lệ tài sản dài hạn giảm 18,08%. Phần tài sản ngắn hạn giảm so với năm 2022 chủ yếu là do công nợ hợp đồng khách hàng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột còn phải thu thời điểm cuối năm 2023 giảm so với năm 2022 với số tiền là 18.606 triệu đồng, còn nguyên nhân của việc giảm tỷ lệ tài sản dài hạn là do phần tài sản dở dang dài hạn của các công trình đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giao cho Công ty làm chủ đầu tư trước khi cổ phần hóa Doanh nghiệp TNHH 100% vốn nhà nước đã được hoàn thành, phê duyệt quyết toán.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ Tiêu	31/12/2022	31/12/2023	2023/2022
<b>A</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>74.312.712.826</b>	<b>59.779.056.346</b>	<b>80,44%</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	11.394.836.512	5.094.326.950	44,71%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.406.511.702	1.932.886.550	80,32%
3	Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	2.827.425.168	4.439.245.276	157,01%
4	Phải trả người lao động	24.713.498.829	22.622.355.497	91,54%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	170.190.899	355.989.618	209,17%
6	Phải trả ngắn hạn khác	10.156.457.753	6.677.884.878	65,75%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.996.851.055	11.240.230.187	74,95%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.646.940.908	7.395.137.390	96,71%
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>74.312.712.826</b>	<b>59.779.056.346</b>	<b>80,44%</b>

Cơ cấu nợ phải trả năm 2023 giảm so với năm 2022 tỷ lệ 19,56% chủ yếu là do phần giảm công nợ khách hàng của công tác mua sắm vật tư, vay ngân hàng và phần lương phải trả cho cán bộ công nhân viên Công ty thời điểm cuối năm 2023 thời điểm những tháng cuối năm để thực hiện hợp đồng dịch vụ công ích với Ban quản lý dự án và đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột.

Tính đến ngày 31/12/2023 Công ty không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán.



### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Qua quá trình hoạt động và liên tục rút kinh nghiệm từ những thiếu sót trước đây, Công ty đã đạt được nhiều tiến bộ trong cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý nhằm phát huy tối đa năng lực, thế mạnh của Công ty. Cải tiến các quy định, quy trình nội bộ của Công ty một cách kịp thời và phù hợp với quy định mới của Nhà nước.

Tiến hành quy hoạch, đào tạo cán bộ chủ chốt để xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên lành nghề, có trình độ, năng lực, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong lao động.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### 4.1. Mục tiêu

- Nâng cao tính tự chủ và hiệu quả hoạt động của Công ty
- Duy trì các hoạt động vệ sinh môi trường; chăm sóc cây xanh thảm cỏ, hoa viên; vận hành hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, nghĩa trang và các hoạt động khác được giao.
- Đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời nghiên cứu để mở rộng thêm các lĩnh vực hoạt động, phát huy tối đa những ưu thế của đơn vị cùng với sự hỗ trợ từ các cơ quan, ban ngành để đưa Công ty ngày càng phát triển.
- Đảm bảo doanh thu, lợi nhuận tăng đều hàng năm.
- Mở rộng địa bàn và phát triển thị trường cung ứng đa dạng hơn.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Doanh nghiệp.
- Hoàn thành vượt chỉ tiêu tài chính năm 2023.
- Thực hiện tốt công tác chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với người lao động.

Đến thời điểm hiện nay, dự toán các lĩnh vực đô thị công ích (trừ lĩnh vực thu gom, vận chuyển rác) đang trong quá trình lập chưa được thẩm định và phê duyệt. Do vậy chưa có cơ sở để xác định chính xác doanh thu, lợi nhuận và một số chỉ tiêu tài chính khác.

#### 4.2. Kế hoạch phát triển trong năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Các lĩnh vực	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	So sánh % (KH/TH)
A	Doanh thu dịch vụ	166.708	194.203	116,49
I	Lĩnh vực đô thị	120.779	156.400	129,49
1	Thu gom vận chuyển rác	30.270	37.500	123,89
2	Xử lý rác	10.420	14.200	136,28
3	Nước rỉ rác	336	1.300	386,9
4	Thoát nước mưa	1.896	2.200	116,03
5	Thoát nước thải	5.329	5.720	107,34



6	Cây xanh thoát nước	2.699	2.700	100,04
7	Điện chiếu sáng	15.879	16.680	105,04
8	Cây xanh, hoa cây cảnh	38.156	60.000	157,25
9	Cây xanh đường phố	11.948	12.000	100,44
10	Lĩnh vực rừng	3.846	4.100	106,60
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>25.262</b>	<b>24.558</b>	<b>97,21</b>
1	Bảo tàng, nhà đày	1.739	1.739	100,00
2	VP Tỉnh, HĐND, UBND Tỉnh	478	478	100,00
4	Dịch vụ thu gom, VC rác nhà	16.472	17.000	103,21
5	Dịch vụ khác	6.571	5.339	81,25
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Xây dựng</b>	<b>20.667</b>	<b>13.245</b>	<b>64,09</b>
1	Hoạt động Nghĩa trang	17.682	13.000	73,52
2	Xây dựng khác	2.985	245	8,21
<b>B</b>	<b>Hoạt động TC và TN khác</b>	<b>4.287</b>	<b>2.750</b>	<b>64,15</b>
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>169.204</b>	<b>196.953</b>	<b>115,18</b>

• Các chỉ tiêu kinh tế dự kiến thực hiện trong năm 2024:

*Đvt: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Năm 2024	So sánh % (KH/TH)
1	Vốn điều lệ	66.200	66.200	100,00
2	Tổng doanh thu	170.995	196.953	115,18
3	Tổng chi phí	156.420	181.607	116,10
4	Lợi nhuận trước thuế	14.575	15.346	105,29
5	Lợi nhuận sau thuế	11.552	12.277	106,28

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):** Không có

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về Môi trường và Xã hội**

**a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)**

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích về môi trường Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa hiện nay. Bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng các hoạt động công ích, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn năng lượng, thực hiện việc tuyên truyền cho người dân về



phân loại rác thải. Đồng thời, luôn phổ biến đến bộ phận văn phòng và các bộ phận khác về việc tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước. Phần đầu vì hai mục tiêu là vừa đảm bảo lợi nhuận vừa xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột Xanh - Sạch - Đẹp.

#### ***b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động***

Nhận thức được vai trò quan trọng của người lao động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lãnh đạo Công ty luôn chú trọng việc chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần của người lao động từ đó tạo tâm lý phấn khởi cho người lao động yên tâm công tác, lao động hăng say, gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh đó, Công đoàn cũng có những động viên về vật chất và tinh thần cho người lao động trong quá trình công tác.

#### ***c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương***

Cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ công tác chuyên môn, công ty còn chú trọng đến lợi ích lâu dài của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội, các chương trình đóng góp Quỹ vì người nghèo, Quỹ phòng chống lụt bão, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động Đoàn... và nhiều chương trình khác do tình, thành phố phát động.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Với nhiều sự biến đổi về thiên nhiên, kinh tế và chính trị, Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc quan tâm và thường xuyên có những phương án chủ động ứng phó nhằm đảm bảo sức khỏe và ổn định công tác cho người lao động.

Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng quản trị thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất kinh doanh.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và tham gia đầy đủ công tác xã hội do địa phương phát động.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- Nguồn kinh phí bố trí cho các hoạt động công ích của thành phố chưa đảm bảo.
- Lĩnh vực Vận hành xử lý nước rỉ rác tại Cur Bur Công ty đã đưa vào vận hành, xử lý từ Tháng 3/2020 đến nay nhưng vẫn chưa được xác định giá hoặc phê duyệt dự toán nên gây khó khăn cho Công ty trong việc xác định được doanh thu..
- Công tác thu giá dịch vụ vệ sinh còn gặp nhiều khó khăn, nhất là công tác khai thác tại địa bàn các Xã vùng ven, một số hộ dân chưa nhận thức được việc trả dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt, dẫn đến tỷ lệ các hộ dân chây ì, không tham gia đóng giá dịch vụ chiếm khoảng 17% vì chưa có khung chế tài để xử phạt đối với hành vi không thực hiện đóng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của người dân;



## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và các thành viên Ban điều hành được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Hội đồng quản trị giám sát đầy đủ Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Hội đồng quản trị thực hiện giám sát, định hướng cho các hoạt động của Công ty thông qua báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc.

- Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả những vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển Công ty.

- Giám sát các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể như:

+ Việc sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 nhìn chung vẫn đảm bảo các chỉ tiêu về chất lượng, hiệu quả. Các chỉ tiêu tài chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

+ Trong năm 2023, Ban Tổng giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực phấn đấu làm hết trách nhiệm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2023, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

Bên cạnh những thuận lợi thì hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng tồn tại một số khó khăn nhất định như:

- Một số lao động chưa xác định đúng chức năng, nhiệm vụ cụ thể của mình, làm việc với năng suất, chất lượng chưa cao, làm ảnh hưởng phần nào đến hoạt động chung của Công ty

- Một số cán bộ ở các đơn vị, Phòng, Ban còn thụ động trong công việc được giao. Việc kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị trực thuộc chưa được thường xuyên, liên tục nên ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của các dịch vụ đô thị được giao.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty.

- Về các dịch vụ trọng tâm: Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ thế mạnh của Công ty như: Vệ sinh môi trường; chăm sóc cây xanh, hoa viên, tượng đài, rừng cảnh quan; duy tu, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa, nước thải trên địa bàn; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải...

- Tiếp tục triển khai các mục tiêu chiến lược phát triển Công ty.

- Đảm bảo an toàn tài chính của đơn vị, đổi mới phương pháp tổ chức; nâng cao chất lượng phục vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động của doanh



nghiệp.

- Phân bổ lực lượng lao động hợp lý, sắp xếp bộ máy nhân sự tinh gọn đảm bảo linh hoạt và hiệu quả, chủ động trong công tác quản lý điều hành.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, đảm bảo thu nhập ổn định đối với người lao động, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với người lao động...

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên cơ cấu Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần nắm giữ/ Ủy quyền	Tỷ lệ cổ phần (%)
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019		3.323.400	50,20
2	Bùi Văn Quý	Thành viên	16/05/2019		2.388.600	36,082
3	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	16/05/2019			
4	Lê Đình Trung	Thành viên	16/05/2019		5.100	0,077
5	Lê Thị Oanh	Thành viên (Không điều hành)	27/4/2021			

**1.2. Các tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị:** HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

##### 1.3.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT luôn tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các văn bản pháp luật liên quan.

- HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, duy trì và giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng các nội dung của Nghị quyết mà ĐHCĐ, HĐQT cùng các mục tiêu chiến lược đã đặt ra.

- HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ tạo mọi điều kiện để Tổng Giám đốc và Ban điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty. Luôn cùng Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát kế hoạch, giám sát kiểm tra tình hình hoạt động của các đơn vị, xem xét những thuận lợi khó khăn, đời sống CB.CNV, qua đó tháo gỡ khó khăn vướng mắc và xử lý các đề xuất kiến nghị của các đơn vị.

- Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp quan trọng của Công ty và có ý kiến chỉ đạo, đôn đốc nhắc nhở Ban điều hành thực hiện kế hoạch SXKD, có chủ trương và đề ra các giải pháp để Ban điều hành nghiên cứu thực hiện. Thành viên HĐQT điều



hành luôn trực tiếp tham dự các cuộc họp sơ và tổng kết tháng, quý, năm để đưa ra các chỉ đạo và định hướng cho Công ty. Ngoài ra, HĐQT còn phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát giám sát Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

### 1.3.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi HĐQT tham dự họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thanh Hà	13/13	100%	
2	Bùi Văn Quý	13/13	100%	
3	Nguyễn Hoàng Nam	13/13	100%	
4	Lê Đình Trung	13/13	100%	
5	Lê Thị Oanh	13/13	100%	

### 1.3.3. Nội dung và kết quả các cuộc họp

Năm 2023, Hội đồng quản trị luôn duy trì sinh hoạt định kỳ và các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời và nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã có các Nghị quyết, quyết định định hướng phù hợp nên Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã triển khai 13 cuộc họp trực tiếp định kỳ và đột xuất để thông qua các nội dung cụ thể như sau:

- Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 28/4/2023 tại trụ sở Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, số 01 Đào Duy Từ, phường Thống nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; với các nội dung tổ chức Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

- Thống nhất tách phòng Kế hoạch – Kinh doanh thành phòng Kế hoạch và phòng Kinh doanh và bổ nhiệm lại cán bộ các phòng.

- Thống nhất thành lập Tổ kiểm tra trực thuộc Công ty.

- Thống nhất chủ trương đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ cho lĩnh vực đô thị công ích của Công ty gồm: 02 xe ô tô cuốn ép rác loại 9m<sup>3</sup>; 01 xe ô tô xi téc phun nước chuyên dùng; 02 xe ô tô tải tự đổ; 01 máy băm nghiền cành nhánh cây di động. Sử dụng từ nguồn vốn tự có của Công ty.

- Thông qua chủ trương tham gia đấu giá biển số xe ô tô; thanh lý tài sản cố định.

- Thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty.

- Thông qua chủ trương điều chỉnh mua sắm tài sản cố định phục vụ cho lĩnh vực công ích đô thị và thông qua việc tổ chức đoàn tham quan, du lịch cho cán bộ, công nhân lao động trong Công ty.



- Thông qua thông qua việc mua lại số cổ phiếu của cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc trước thời hạn cam kết nắm giữ theo phương án cổ phần hoá.

- Thông qua nội dung lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023...

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

#### 1.3.4. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 10 Nghị quyết và 19 Quyết định nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
I	<b>Nghị quyết</b>			
1	31/NQ-HĐQT	20/02/2023	Về việc: Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%
2	32/NQ-HĐQT	31/3/2023	Về việc: Về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.	100%
3	33/NQ-HĐQT	29/5/2023	Về việc: Rà soát điều chỉnh cơ cấu các phòng ban và bổ nhiệm cán bộ của các đơn vị.	100%
4	34/NQ-HĐQT	08/6/2023	Về việc: Thống nhất chủ trương đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ cho lĩnh vực đô thị công ích của Công ty.	100%
5	35/NQ-HĐQT	26/07/2023	Về việc: Thống nhất tham gia đấu giá biển số xe ô tô của Công ty	80%
6	36/NQ-HĐQT	11/08/2023	Về việc: Thống nhất chi trả cổ tức bằng tiền theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ	100%
7	37/NQ-HQĐQT	02/10/2023	Về việc: Thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ cho lĩnh vực đô thị công ích của Công ty	100%



8	38/NQ-HQĐQT	03/11/2023	Về việc: - Thống nhất chủ trương di dời trạm biến áp hiện hữu và nâng cấp dung lượng cho máy biến áp tại khu vực sân bãi đậu xe - Thống nhất chủ trương thanh lý xe ô tô cầu thùng 8m <sup>3</sup> , biển kiểm soát 47C-24.799 - Thống nhất chủ trương mua sắm xe ô tô con phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty - Thống nhất chủ trương thuê đơn vị tư vấn khảo sát, lập dự án “Xây dựng trụ sở làm việc của Công ty”	100% 100% 80% 100%
9	39/NQ-HQĐQT	03/11/2023	Về việc: Thống nhất mua lại số cổ phiếu của cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc trước thời hạn cam kết nắm giữ theo phương án cổ phần hoá	100%
10	40/NQ-HQĐQT	23/11/2023	Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và mua sắm tài sản cố định phục vụ lĩnh vực đô thị công ích của Công ty	100%
<b>II Quyết định</b>				
1	106/QĐ-HĐQT	20/2/2023	V/v: Thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc.	
2	107/QĐ-HĐQT	28/3/2023	V/v: Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 104/QĐ-HĐQT ngày 26/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc, về việc chỉ định thầu đơn vị cung cấp xe ô tô điện 6 chỗ ngồi nhãn hiệu VinFast VF9 Plus.	
3	108/QĐ-HĐQT	31/3/2023	V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc.	
4	109/QĐ-HĐQT	06/4/2023	V/v: Ban hành “Quy định về việc có ý kiến chấp thuận trước khi thực hiện của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong một số công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thu chi tài chính của công ty và quy định về nội dung, thời hạn báo cáo công việc của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc, phòng ban, đơn vị của Công ty cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện kiểm tra định kỳ”.	
5	110/QĐ-HĐQT	24/4/2023	V/v: Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông ĐHĐCĐ thường niên 2023 Công ty Cổ phần Đô thị	



			và Môi trường Đăk Lăk.	
6	110a/QĐ-HĐQT	25/4/2023	V/v: Ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk.	
7	111/QĐ-HĐQT	29/5/2023	V/v: Thành lập Phòng Kế hoạch	
8	112/QĐ-HĐQT	29/05/2023	V/v: Thành lập Phòng Kinh doanh	
9	113/QĐ-HĐQT	29/05/2023	V/v: Thành lập Tổ Kiểm tra	
10	114/QĐ-HĐQT	28/06/2023	V/v: chỉ định thầu đơn vị cung cấp Xe ô tô chuyên dụng cuốn ép rác 9m3 loại xe HUYNDAI MIGHTY EX8	
11	115/QĐ-HĐQT	05/09/2023	V/v: Chỉ định thầu đơn vị cung cấp máy băm nghiền cành nhánh cây di động TP Chipper Model TP 215 Mobile	
12	116/QĐ-HĐQT	02/10/2023	V/v: Chỉ định thầu đơn vị cung cấp 02 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu Thaco Forland	
13	117/QĐ-HĐQT	16/10/2023	V/v: Tổ chức đoàn tham quan du lịch tại Thái Lan	
14	117a/QĐ-HĐQT	20/10/2023	V/v: Vay vốn ngân hàng SeABank Đăk Lăk	
15	118/QĐ-HĐQT	08/11/2023	V/v: Chỉ định thầu đơn vị cung cấp xe ô tô con 7 chỗ, nhãn hiệu Lexus GX460	
16	119/QĐ-HĐQT	27/11/2023	V/v: Chỉ định thầu đơn vị cung cấp xe ủi bánh xích, nhãn hiệu Caterpillar Model D8H	
17	120/QĐ-HĐQT	07/12/2023	V/v: Chỉ định thầu đơn vị cung cấp xe ô tô chuyên dùng phun nước rửa đường 9m3 Dongfeng	
18	121/QĐ-HĐQT	13/12/2023	V/v: Phê duyệt báo cáo kinh tế - Kỹ thuật công trình: Nâng cấp dung lượng TBA T139M (ĐD477BMT) từ 100kVA-22/0,4kV lên 160kVS-22/0,4kV cấp điện cho sân bãi đậu xe chuyên dùng và các công trình phụ trợ thuộc Công	
19	122/QĐ-HĐQT	13/12/2023	V/v: Chỉ định thầu đơn vị thi công xây dựng công trình: Nâng cấp dung lượng TBA T139M (ĐD477BMT) từ 100kVA-22/0,4kV lên 160kVS-22/0,4kV cấp điện cho sân bãi đậu xe chuyên dùng và các công trình phụ trợ thuộc Công ty	

**1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có

**1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:** Không có



## 2. Ban kiểm soát (BKS)

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/miễn nhiệm	Trình độ
1	Lê Văn Chính	Trưởng ban	16/05/2019	Cử nhân
2	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	16/05/2019	Cử nhân
3	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên	28/04/2022	Cử nhân

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

#### \* Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ vào các quy định của các Luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc, Ban kiểm soát đề ra kế hoạch chương trình làm việc trong năm trong đó chú trọng đến những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu sau đây:

- Tham gia tất cả các cuộc họp được mời của Hội đồng quản trị, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty;

- Tham gia thường xuyên các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban Tổng giám đốc.

- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh dịch vụ công ty thông qua báo cáo của phòng ban đơn vị và Ban tổng giám đốc.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2023 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

- Thẩm định báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính Công ty;

- Trong năm 2023 Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến phản ánh nào của Cổ đông.

- Các thành viên trong Ban Kiểm soát được phân công rõ ràng và đã hoàn thành nhiệm vụ của mình

- Chi phí hoạt động Ban kiểm soát theo quy định Công ty. Thù lao Ban Kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

#### \* Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự cuộc họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Văn Chính	Trưởng ban	4/4	100%	
2	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	4/4	100%	



3	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên	4/4	100%	
---	----------------	------------	-----	------	--

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**3.1. Thù lao, lương và các khoản thu nhập khác thành viên Hội đồng quản trị, Ban thư ký hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty đại chúng:**  
Đvt: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao đã thanh toán
I	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>396.000.000</b>
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	120.000.000
2	Bùi Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm T.Giám đốc	96.000.000
3	Lê Đình Trung	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	60.000.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	60.000.000
5	Lê Thị Oanh	Thành viên HĐQT độc lập	60.000.000
6	<b>Nguyễn Quốc Tuấn</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>	60.000.000
III	<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>433.300.000</b>
1	Lê Văn Chính	Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách	313.300.000
2	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
3	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
4	<b>Nguyễn Quốc Tuấn</b>	<b>Người phụ trách quản trị</b>	<b>64.800.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>954.100.000</b>

**Lương và các khoản thu nhập khác Ban điều hành doanh nghiệp**

Đvt: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản thu nhập	Cổ tức được chia	Tổng cộng
1	Bùi Văn Quý	Tổng giám đốc	360.608.000	7.290.000	367.898.000
2	Lê Đình Trung	Phó T.Giám đốc	331.782.000	6.885.000	338.667.000
3	Nguyễn Hoàng Nam	Phó T.Giám đốc	333.992.000		333.992.000
5	Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	312.157.000	6.750.000	318.907.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.338.539.000</b>	<b>20.925.000</b>	<b>1.359.464.000</b>



### 3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Quốc Tuấn	354.800	5,36%	3.000	0,0453%	Bán cổ phiếu
2	Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam	2.971.600	44,89%	3.323.400	50,202%	Mua cổ phiếu

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

### 3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk rất chú trọng trong việc rà soát và nâng cao chất lượng của hệ thống quản trị. Cụ thể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc tự nghiên cứu về các văn bản pháp luật để quản trị công ty được tốt hơn. Đồng thời, nhằm tăng cường công tác quản trị, Công ty luôn công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật và tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đính kèm báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng!

Đăk Lăk, ngày 10 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Bùi Văn Quý



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

*Công ty thành viên của JPA International*

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 41

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000179936 ngày 05/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/05/2023), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 885/QĐ-SGDHN ngày 31/12/2019.

Mã chứng khoán là UDL.

Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2023: 66.200.000.000 đồng.

### Trụ sở chính

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: (0262) 3813047

Fax: (0262) 3813047

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa.

### 2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

**3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**3.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Thành viên	16/05/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	16/05/2019	
Ông Lê Đình Trung	Thành viên	16/05/2019	
Bà Lê Thị Oanh	Thành viên	28/04/2021	

**3.2 Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Chính	Trưởng ban	16/05/2019	
Bà Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	16/05/2019	
Bà Phạm Ngọc Trâm	Thành viên	29/04/2022	

**4.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	04/07/2019	

**4. Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 41.

**6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**7. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**8. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**9. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đính kèm. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THANH HÀ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đắk Lắk, Ngày 21 tháng 03 năm 2024





Số: 20/2024/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11.  
H  
NH  
TUV  
IE  
Đ



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2024

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES**



**Trần Xuân Thạnh – Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNDKHN số: 1650-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN số: 2896-2024-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>115.646.756.581</b>	<b>121.804.774.528</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>6.112.165.549</b>	<b>6.564.619.437</b>
111	1. Tiền	V.1	6.112.165.549	6.564.619.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>46.000.000.000</b>	<b>32.800.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	46.000.000.000	32.800.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>59.489.969.962</b>	<b>78.926.545.879</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	54.115.982.714	76.121.236.961
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.551.599.767	422.291.869
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	3.977.042.587	2.537.672.155
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(154.655.106)	(154.655.106)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>3.865.472.626</b>	<b>3.296.459.445</b>
141	1. Hàng tồn kho		3.865.472.626	3.296.459.445
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>179.148.444</b>	<b>217.149.767</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	38.001.323
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	179.148.444	179.148.444
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>340.899.279.329</b>	<b>416.146.556.255</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>114.714.857.740</b>	<b>128.799.257.758</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	114.714.857.740	128.777.590.758
222	- Nguyên giá		329.897.148.282	326.530.839.753
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(215.182.290.542)	(197.753.248.995)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	21.667.000
228	- Nguyên giá		308.000.000	308.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(308.000.000)	(286.333.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>222.131.366.806</b>	<b>283.353.274.673</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	222.131.366.806	283.353.274.673
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>3.152.000.000</b>	<b>3.152.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	3.152.000.000	3.152.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>901.054.783</b>	<b>842.023.824</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	901.054.783	842.023.824
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>456.546.035.910</b>	<b>537.951.330.783</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>59.779.056.346</b>	<b>74.312.712.826</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>59.758.056.346</b>	<b>74.312.712.826</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	5.094.326.950	11.394.836.512
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.932.886.550	2.406.511.702
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	4.439.245.276	2.827.425.168
314	4. Phải trả người lao động	V.15	22.622.355.497	24.713.498.829
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	355.989.618	170.190.899
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	6.677.884.878	10.156.457.753
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	11.240.230.187	14.996.851.055
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	7.395.137.390	7.646.940.908
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>21.000.000</b>	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.17b	21.000.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>396.766.979.564</b>	<b>463.638.617.957</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	<b>95.924.333.756</b>	<b>94.409.118.406</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		66.200.000.000	66.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		66.200.000.000	66.200.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.285.000.000	985.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.20	25.439.333.756	27.224.118.406
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.887.118.406	16.197.795.990
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		11.552.215.350	11.026.322.416
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	V.21	<b>300.842.645.808</b>	<b>369.229.499.551</b>
431	1. Nguồn kinh phí		222.352.389.042	283.892.504.785
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		78.490.256.766	85.336.994.766
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>456.546.035.910</b>	<b>537.951.330.783</b>

Buôn Ma Thuột, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phòng Giám Đốc





TRẦN THỊ THẢO

LÊ NGUYÊN VŨ

BUI VĂN QUÝ



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	171.229.870.686	167.566.555.580
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	4.522.367.004	985.133.350
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		166.707.503.682	166.581.422.230
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	143.215.791.943	140.291.764.678
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.491.711.739	26.289.657.552
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.698.348.963	2.256.487.281
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	194.743.391	202.102.866
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		194.743.391	202.102.866
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	12.833.061.397	11.993.205.690
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.162.255.914	16.350.836.277
31	11. Thu nhập khác	VI.7	589.026.293	366.318.569
32	12. Chi phí khác	VI.8	176.535.977	2.525.441.961
40	13. Lợi nhuận khác		412.490.316	(2.159.123.392)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.574.746.230	14.191.712.885
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.9	3.022.530.880	3.165.390.469
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.552.215.350	11.026.322.416
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.571	1.499
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	1.571	1.499

Buôn Ma Thuột, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN THỊ THẢO

LÊ NGUYỄN VŨ

TRẦN VĂN QUÝ



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		196.653.885.197	147.488.834.675
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(62.673.985.884)	(58.239.045.095)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(76.750.028.937)	(68.000.055.875)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.17, VI.5	(174.378.979)	(180.573.785)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(2.687.259.640)	(2.070.523.667)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.446.301.417	6.042.692.851
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.463.034.830)	(29.503.557.056)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>27.351.498.344</b>	<b>(4.462.227.952)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.221.364.691)	(18.629.741.140)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	550.930.689
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(46.000.000.000)	(36.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.800.000.000	38.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.185.753.327	2.064.013.637
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(15.235.611.364)</b>	<b>(14.814.796.814)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.18	11.240.230.187	14.996.851.055
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14.996.851.055)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.811.720.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(12.568.340.868)</b>	<b>14.996.851.055</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(452.453.888)</b>	<b>(4.280.173.711)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>6.564.619.437</b>	<b>10.844.793.148</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>6.112.165.549</b>	<b>6.564.619.437</b>

Buôn Ma Thuột, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN THỊ THẢO

LÊ NGUYỄN VŨ

BÙI VĂN QUÝ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000179936 ngày 05/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/05/2023), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 885/QĐ-SGDHN ngày 31/12/2019.

Mã chứng khoán là UDL.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 742 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/01/2023 là 676 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bất buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.



- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán; ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 04

### **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Phần mềm quản lý thông tin khách hàng và thu phí vệ sinh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.



## **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

## **12. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**14. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CHỖ  
ĐÓNG  
CHỮ  
KÝ



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

## **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

## 16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

## 17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái ....

## 18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

## 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	718.804.085	725.575.826
- Tiền gửi ngân hàng	5.393.361.464	5.839.043.611
+ Vietcombank - CN Đắk Lắk (VND)	99.766.212	18.927.561
+ Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk (VND)	336.452.786	1.481.985.840
+ BIDV - CN Đắk Lắk (VND)	4.953.592.227	4.322.627.833
+ NH TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk (VND)	3.550.239	15.502.377
<b>Cộng</b>	<b>6.112.165.549</b>	<b>6.564.619.437</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 01 năm	46.000.000.000	46.000.000.000	31.800.000.000	31.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk	32.000.000.000	32.000.000.000	31.800.000.000	31.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	14.000.000.000	14.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>32.800.000.000</b>	<b>32.800.000.000</b>

**b. Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm				
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk	3.152.000.000	-	3.152.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.152.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.152.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2023 Công ty đang cầm cố, thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 08/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024, số tiền gửi 5.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk để thế chấp cho hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2023/9313798/HĐTD (xem thuyết minh số V.18);
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024, số tiền gửi 4.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk để thế chấp cho hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 03/2023/9313798/HĐTD (xem thuyết minh số V.18);
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 07/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024, số tiền gửi 5.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk để thế chấp cho hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 04/2023/9313798/HĐTD (xem thuyết minh số V.18).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu khách hàng là các đối tượng khác</b>	<b>54.115.982.714</b>	<b>76.121.236.961</b>
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng TP Buôn Ma Thuột (*)	51.147.762.062	70.410.000.853
Phòng quản lý đô thị	131.539.000	2.725.025.000
Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng	574.127.000	638.000.000
Các đối tượng khác	2.262.554.652	2.348.211.108
<b>Cộng</b>	<b>54.115.982.714</b>	<b>76.121.236.961</b>

(\*) Phải thu Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột tiền dịch vụ công ích về quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng, chăm sóc cây xây hoa cây cảnh, duy trì chăm sóc cây xanh đường phố, thu gom vận chuyển rác thải, xử lý nước rỉ rác, xử lý rác thải, quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải và một số dịch vụ khác do Ban QLDA làm chủ đầu tư.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán là các đối tượng khác</b>	<b>1.551.599.767</b>	<b>422.291.869</b>
Công ty cổ phần thiết bị vật tư Minh Hải (*)	720.000.000	-
Công ty CP Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi Đắk Lắk	-	43.605.000
Công ty TNHH Tư vấn NLN và DV Phương Bắc (**)	59.368.000	59.368.000
Công ty CP Công nghệ xử lý nước và Môi trường ETM - CN Hồ Chí Minh	-	51.311.080
Công ty TNHH TMDV SX In ấn Quảng cáo Năng	-	70.074.000
Các đối tượng khác	772.231.767	197.933.789
<b>Cộng</b>	<b>1.551.599.767</b>	<b>422.291.869</b>

(\*) Ứng trước theo hợp đồng số 018/DAKLAK-MH/2023, ngày 30/06/2023, về việc mua 02 xe ô tô chở rác – Huynhdai EX8 GTS2 E160.

(\*\*) Ứng trước theo hợp đồng số 15/2021/HĐ-TV ngày 16/8/2021 về việc điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp, lập phương án quản lý rừng bền vững khu vực rừng cảnh quan hồ Eakao.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu khác là các đối tượng khác	3.977.042.587	-	2.537.672.155	-
Lãi dự thu	3.228.511.122	-	1.715.915.486	-
Tạm ứng	191.789.708	-	238.534.284	-
Phải thu nhân viên về BHXH	457.220.757	-	437.403.196	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.200.000	-	13.200.000	-
Phải thu khác	86.321.000	-	132.619.189	-
<b>Cộng</b>	<b>3.977.042.587</b>	<b>-</b>	<b>2.537.672.155</b>	<b>-</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	154.655.106	154.655.106
<b>Cộng</b>	<b>154.655.106</b>	<b>154.655.106</b>

**Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	154.655.106	154.655.106
Tăng trong năm	-	-
Hoàn nhập trong năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>154.655.106</b>	<b>154.655.106</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.077.508.697	-	1.364.583.556	-
Công cụ, dụng cụ	137.590.318	-	87.074.429	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.650.373.611	-	1.844.801.460	-
<b>Cộng</b>	<b>3.865.472.626</b>	<b>-</b>	<b>3.296.459.445</b>	<b>-</b>

- Nguyên vật liệu là dầu diesel, nhớt, các vật tư dùng để xây dựng mộ, bóng đèn, tụ điện, ống nước và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là thùng rác, chổi quét rác
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị xây dựng dở dang các công trình xây dựng mộ chưa hoàn thành tại 31/12/2023.
- Cuối năm, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2023.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2023.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	209.099.872.559	43.283.931.561	72.663.898.946	1.281.776.687	201.360.000	326.530.839.753
Tăng trong năm	-	-	3.366.308.529	-	-	3.366.308.529
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>209.099.872.559</b>	<b>43.283.931.561</b>	<b>76.030.207.475</b>	<b>1.281.776.687</b>	<b>201.360.000</b>	<b>329.897.148.282</b>
<b>Trong đó:</b>						
- TSCĐ dùng kinh doanh	25.926.398.233	24.614.036.975	72.602.923.475	1.281.776.687	201.360.000	124.626.495.370
- TSCĐ dùng công ích	178.643.107.326	18.669.894.586	1.992.101.000	-	-	199.305.102.912
- TSCĐ dùng phúc lợi	4.530.367.000	-	1.435.183.000	-	-	5.965.550.000
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	111.821.372.781	27.994.100.619	56.507.316.908	1.229.098.687	201.360.000	197.753.248.995
Hao mòn trong năm	5.762.990.000	1.199.892.000	208.588.000	-	-	7.171.470.000
Khấu hao trong năm	2.313.911.000	2.761.000.547	5.140.928.000	41.732.000	-	10.257.571.547
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>119.898.273.781</b>	<b>31.954.993.166</b>	<b>61.856.832.908</b>	<b>1.270.830.687</b>	<b>201.360.000</b>	<b>215.182.290.542</b>
<b>Trong đó:</b>						
- TSCĐ dùng kinh doanh	15.221.736.881	22.617.604.166	59.457.097.908	1.270.830.687	201.360.000	98.768.629.642
- TSCĐ dùng công ích	103.332.530.900	9.337.389.000	1.165.479.000	-	-	113.835.398.900
- TSCĐ dùng phúc lợi	1.344.006.000	-	1.234.256.000	-	-	2.578.262.000
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	91.515.509.778	14.089.938.942	15.947.994.038	52.678.000	-	128.777.590.758
<b>Số cuối năm</b>	<b>89.201.598.778</b>	<b>11.328.938.395</b>	<b>14.173.374.567</b>	<b>10.946.000</b>	<b>-</b>	<b>114.714.857.740</b>
<b>Trong đó:</b>						
- TSCĐ dùng kinh doanh	10.704.661.352	1.996.432.809	13.145.825.567	10.946.000	-	25.857.865.728
- TSCĐ dùng công ích	75.310.576.426	9.332.505.586	826.622.000	-	-	85.469.704.012
- TSCĐ dùng phúc lợi	3.186.361.000	-	200.927.000	-	-	3.387.288.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 74.534.304.661 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023 là 0 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2023.

Trong tổng nguyên giá của Tài sản cố định tại ngày 31/12/2023 bao gồm giá trị của 07 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý và sử dụng. Tại thời điểm nhận bàn giao, Công ty đang ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định hữu hình và phải trả khác cho UBND tỉnh Đắk Lắk (xem thuyết minh số V.17). Hàng năm số tiền khấu hao sẽ được nộp trả cho ngân sách nhà nước. Chi tiết nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại tại 31/12/2023 cụ thể:

STT	Tên TSCĐ	Biển kiểm soát	Nguyên giá đã có thuế	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>		<b>7.818.634.547</b>	<b>7.818.634.547</b>	-
1	Máy ủi bánh xích Caterpillar	47XA-1047	7.818.634.547	7.818.634.547	-
<b>II</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>		<b>10.710.753.349</b>	<b>7.370.744.000</b>	<b>3.340.009.349</b>
1	Xe xi téc chở nước HINO	47C-15599	1.702.083.108	886.973.000	815.110.108
2	Xe tải ben tự đổ	47C-15650	2.143.079.465	1.116.783.000	1.026.296.465
3	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15655	1.647.059.493	1.331.888.000	315.171.493
4	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15642	1.647.059.493	1.265.388.000	381.671.493
5	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15640	1.647.059.493	1.214.405.000	432.654.493
6	Xe cuốn ép rác 15m <sup>3</sup>	47C-15575	1.924.412.297	1.555.307.000	369.105.297
<b>Cộng</b>			<b>18.529.387.896</b>	<b>15.189.378.547</b>	<b>3.340.009.349</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Phần mềm quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	208.000.000	100.000.000	308.000.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>208.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>308.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	208.000.000	78.333.000	286.333.000
Khấu hao trong năm	-	21.667.000	21.667.000
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>208.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>308.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	21.667.000	21.667.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 308.000.000 đồng. Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2023.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm trong năm	855.056.162	-
Xây dựng cơ bản	221.276.310.644	283.353.274.673
	3.604.485.000	3.604.485.000
- CT xây dựng tiểu hoa viên góc Ngô gia tự- Tôn đức thắng		
- CT quy hoạch bãi chôn lấp CTR tại phía nam TP BMT (Hòa Phú)	217.671.825.644	216.567.041.673
- Xây dựng mở rộng Nghĩa trang TP	-	63.181.748.000
<b>Cộng</b>	<b>222.131.366.806</b>	<b>283.353.274.673</b>

Không có tài sản xây dựng cơ bản dở dang dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023.

Toàn bộ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang ở trên đây là giá trị đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp cấp, không phải là tài sản kinh doanh của công ty. Các công trình này đang trong quá trình trình phê duyệt quyết toán hoàn thành để ngân sách cấp bổ sung vốn thanh toán sau khi hoàn tất sẽ bàn giao về cho Nhà nước quản lý sử dụng.

5-0  
 HẠN  
 TỶ TỈ  
 VÀ T  
 N V  
 TÀI  
 NĂM  
 J-TT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	684.354.743	527.835.773
- Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	216.700.040	314.188.052
<b>Cộng</b>	<b>901.054.783</b>	<b>842.023.824</b>

### Tình hình tăng giảm chi phí trả trước

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	842.023.824	457.112.126
Tăng trong năm	1.460.921.463	1.629.734.492
Phân bổ trong năm	(1.401.890.504)	(1.244.822.794)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>901.054.783</b>	<b>842.023.824</b>

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1.c)</b>	<b>-</b>	<b>1.279.308.000</b>
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	-	1.279.308.000
<b>Phải trả người bán là các đối tượng khác</b>	<b>5.094.326.950</b>	<b>10.115.528.512</b>
Cty TNHH SX TM & XD Thiên Minh	719.083.080	-
HKD Nguyễn Thị Vân	391.520.000	1.970.695.000
Công ty TNHH Máy Xây dựng Việt Nhật	900.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Đức Thành	572.100.000	529.110.000
Các đối tượng khác	2.511.623.870	7.615.723.512
<b>Cộng</b>	<b>5.094.326.950</b>	<b>11.394.836.512</b>

Tại ngày 31/12/2023 không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán.

### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác</b>	<b>1.932.886.550</b>	<b>2.406.511.702</b>
Các khách hàng giao khoán xây dựng mộ	1.723.451.000	1.763.687.000
Công ty TNHH Trường Linh	-	270.905.790
Các đối tượng khác	209.435.550	371.918.912
<b>Cộng</b>	<b>1.932.886.550</b>	<b>2.406.511.702</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	1.151.072.002	5.364.454.508	4.082.959.182	-	2.432.567.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.635.627.164	3.022.530.880	2.687.259.640	-	1.970.898.404
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.726.002	556.584.346	561.530.804	-	35.779.544
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	179.148.444	-	638.784.392	638.784.392	179.148.444	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phi và lệ phí	-	-	3.301.486.131	3.301.486.131	-	-
<b>Cộng</b>	<b>179.148.444</b>	<b>2.827.425.168</b>	<b>12.886.840.257</b>	<b>11.275.020.149</b>	<b>179.148.444</b>	<b>4.439.245.276</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.574.746.230	14.191.712.885
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	279.745.788	1.453.877.760
Điều chỉnh tăng	279.745.788	1.453.877.760
- Phạt vi phạm hành chính, thuế bị truy thu	62.876.663	21.969.133
- Các khoản chi phí không được trừ	36.869.125	1.236.908.627
- Thủ lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	180.000.000	195.000.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	14.854.492.018	15.645.590.645
Thuế TNDN hiện hành	3.022.530.880	3.165.390.469
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.970.898.404	3.129.118.129
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này theo quyết định truy thu của Cục thuế Tỉnh Đắk Lắk	51.632.476	36.272.340
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.022.530.880</b>	<b>3.165.390.469</b>

#### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả người lao động	22.622.355.497	24.713.498.829
<b>Cộng</b>	<b>22.622.355.497</b>	<b>24.713.498.829</b>

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	41.893.493	21.529.081
Chi phí tư vấn dự án	-	48.661.818
Chi phí khác	314.096.125	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>355.989.618</b>	<b>170.190.899</b>

### 17. Phải trả khác

#### 17a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả khác các đối tượng khác</b>	<b>6.677.884.878</b>	<b>10.156.457.753</b>
- Kinh phí công đoàn	86.287.793	195.549.015
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	19.294.528	51.939.055
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (*)	5.872.853.896	9.220.137.896
- Tạm ứng	346.067.907	407.616.760
- Cổ tức phải trả	125.280.000	-
- Phải trả khác	228.100.754	281.215.027
<b>Cộng</b>	<b>6.677.884.878</b>	<b>10.156.457.753</b>

(\*) Đây là giá trị của 07 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý ghi tăng tài sản cố định và phải trả khác sau khi khấu hao nộp trả tiền khấu hao về cho Nhà nước. (Xem thuyết minh số V.8).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 17b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả khác các đối tượng khác</b>	<b>21.000.000</b>	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	21.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.000.000</b>	-

(\*) Đặt cọc tiền thuê nhà theo hợp đồng thuê nhà dài hạn số 01/2023/Hợp đồng thuê nhà ngày 01/03/2023 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-DV ngày 10/03/2023.

### 18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>14.996.851.055</b>	<b>11.240.230.187</b>	<b>(14.996.851.055)</b>	<b>11.240.230.187</b>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk	14.996.851.055	-	(14.996.851.055)	-
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	11.240.230.187	-	11.240.230.187
<b>Cộng</b>	<b>14.996.851.055</b>	<b>11.240.230.187</b>	<b>(14.996.851.055)</b>	<b>11.240.230.187</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2023/9313798/HĐTD, ngày 11/10/2023 với mức vay 4.069.076.404 đồng. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2024 kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số số 08/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024 (xem thuyết minh số V.2);
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 03/2023/9313798/HĐTD, ngày 07/11/2023 với mức vay 3.971.715.746 đồng. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2024 kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số số 06/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024 (xem thuyết minh số V.2);
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 04/2023/9313798/HĐTD, ngày 11/12/2023 với mức vay 3.199.438.037 đồng. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2024 kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số số 07/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024. Mục đích vay để thanh toán lương cho người lao động, lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (xem thuyết minh số V.2).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	1.918.468.630	1.225.548.630
Quỹ phúc lợi	2.089.379.760	2.709.371.278
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	3.387.289.000	3.712.021.000
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.395.137.390</b>	<b>7.646.940.908</b>

**Tình hình biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm:**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.225.548.630	945.000.000	(252.080.000)	1.918.468.630
Quỹ phúc lợi	2.709.371.278	-	(619.991.518)	2.089.379.760
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	3.712.021.000	-	(324.732.000)	3.387.289.000
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	155.000.000	(155.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>7.646.940.908</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>(1.351.803.518)</b>	<b>7.395.137.390</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20 a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	66.200.000.000	985.000.000	17.012.795.990	84.197.795.990
Tăng trong năm	-	-	11.026.322.416	11.026.322.416
Giảm trong năm	-	-	(815.000.000)	(815.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>66.200.000.000</b>	<b>985.000.000</b>	<b>27.224.118.406</b>	<b>94.409.118.406</b>
Số dư tại 01/01/2023	66.200.000.000	985.000.000	27.224.118.406	94.409.118.406
Tăng trong năm	-	3.300.000.000	11.552.215.350	14.852.215.350
Giảm trong năm	-	-	(13.337.000.000)	(13.337.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>66.200.000.000</b>	<b>4.285.000.000</b>	<b>25.439.333.756</b>	<b>95.924.333.756</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 20 b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	36,00%	23.832.000.000	36,00%	23.832.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	50,20%	33.234.000.000	44,89%	29.716.000.000
Các cổ đông khác	13,80%	9.134.000.000	19,11%	12.652.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>66.200.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>66.200.000.000</b>

### 20 c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	66.200.000.000	66.200.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	66.200.000.000	66.200.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		

### 20 d. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.620.000	6.620.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 20 e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	27.224.118.406	17.012.795.990
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	11.552.215.350	11.026.322.416
Phân phối lợi nhuận	13.337.000.000	815.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	13.337.000.000	815.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	945.000.000	780.000.000
- Trích quỹ khen thưởng BQL điều hành	155.000.000	35.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	3.300.000.000	-
- Chia cổ tức	8.937.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>25.439.333.756</b>	<b>27.224.118.406</b>

### 21. Nguồn kinh phí và quỹ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí Đầu tư xây dựng cơ bản	221.525.739.254	283.330.913.254
Nguồn kinh phí sự nghiệp	826.649.788	561.591.531
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	78.490.256.766	85.336.994.766
<b>Cộng</b>	<b>300.842.645.808</b>	<b>369.229.499.551</b>

### Tình hình biến động nguồn kinh phí và quỹ khác trong năm

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguồn kinh phí Đầu tư xây dựng cơ bản	283.330.913.254	1.558.296.000	(63.363.470.000)	221.525.739.254
Nguồn kinh phí sự nghiệp	561.591.531	608.475.000	(343.416.743)	826.649.788
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	85.336.994.766	-	(6.846.738.000)	78.490.256.766
<b>Cộng</b>	<b>369.229.499.551</b>	<b>2.166.771.000</b>	<b>(70.553.624.743)</b>	<b>300.842.645.808</b>

### 22. Tài khoản ngoài bảng

#### Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ là các tài sản bỏ ra khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, hiện Công ty vẫn đang quản lý chưa bàn giao về cho cơ quan nhà nước, cụ thể:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chỉ tiêu	Số cuối năm		
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Máy móc thiết bị	1.050.235.000	1.050.235.000	-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	267.000.000	267.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.317.235.000</b>	<b>1.317.235.000</b>	<b>-</b>

Chỉ tiêu	Số đầu năm		
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá		Giá trị còn lại
- Máy móc thiết bị	1.050.235.000		-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	267.000.000		-
<b>Cộng</b>	<b>1.317.235.000</b>		<b>-</b>

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	74.598.143	51.220.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.476.724.732	137.747.501.348
Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.678.547.811	29.767.833.530
<b>Cộng</b>	<b>171.229.870.686</b>	<b>167.566.555.580</b>

##### 1b. Trong đó, doanh thu với các bên liên quan trong năm không phát sinh

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	4.522.367.004	985.133.350
<b>Cộng</b>	<b>4.522.367.004</b>	<b>985.133.350</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	55.268.534	37.761.085
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	125.195.556.260	113.187.828.410
Giá vốn của hoạt động xây lắp	17.964.967.149	27.066.175.183
<b>Cộng</b>	<b>143.215.791.943</b>	<b>140.291.764.678</b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.698.348.963	2.256.487.281
<b>Cộng</b>	<b>3.698.348.963</b>	<b>2.256.487.281</b>

### 5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	194.743.391	202.102.866
<b>Cộng</b>	<b>194.743.391</b>	<b>202.102.866</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.659.194.883	8.391.026.782
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	224.004.222	214.810.874
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.020.683.000	867.314.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	735.567.829	234.463.047
Chi phí khác bằng tiền	2.193.611.463	2.285.590.805
<b>Cộng</b>	<b>12.833.061.397</b>	<b>11.993.205.690</b>

### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường	99.538.000	280.438.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	425.256.727	85.880.569
Các khoản thu nhập khác	64.231.566	-
<b>Cộng</b>	<b>589.026.293</b>	<b>366.318.569</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Trả tiền gốc vay trước đây đã xử lý vào thu nhập khác	-	118.000.000
Lỗ thanh lý TSCĐ	-	2.157.573.761
Chi phí sửa tài sản được bồi thường	68.587.789	174.919.439
Chi phí tổ chức đại hội cổ đông và công bố thông tin	36.869.125	52.946.900
Các khoản phạt và truy thu thuế	62.876.663	21.969.133
Các khoản khác	8.202.400	32.728
<b>Cộng</b>	<b>176.535.977</b>	<b>2.525.441.961</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.961.871.932	49.004.885.897
Chi phí nhân công	85.971.836.607	85.410.576.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.279.238.547	8.970.941.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.596.294.129	4.492.549.108
Chi phí khác bằng tiền	6.615.330.410	3.086.667.335
<b>Cộng</b>	<b>155.424.571.625</b>	<b>150.965.619.682</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.552.215.350	11.026.322.416
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.155.221.535)	(1.100.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	(1.155.221.535)	(1.100.000.000)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.396.993.815	9.926.322.416
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000	6.620.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.571</b>	<b>1.499</b>

(\*) Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 28/04/2023. Theo đó, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 1.100.000.000 đồng. Do đó, chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" và "Lãi suy giảm trên cổ phiếu" của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước trước điều chỉnh	Năm trước sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.523	1.499	(24)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.523	1.499	(24)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm nay được xác định căn cứ vào việc tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-DHDCD ngày 28/04/2023 và sẽ điều chỉnh khi có quyết định chính thức của Đại Hội đồng cổ đông.

### 11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.396.993.815	9.926.322.416
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.396.993.815	9.926.322.416
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000	6.620.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.571</b>	<b>1.499</b>

(\*) Xem thuyết minh số 10

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	Cổ đông lớn chiếm 50,20% vốn điều lệ

#### b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

#### c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	31/12/2023	01/01/2023
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	-	1.279.308.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**d. Thu nhập của Ban điều hành**

STT	Ban QLDH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023			
			Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	-	120.000.000
2	Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	360.608.000	96.000.000	7.290.000	463.898.000
3	Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	331.782.000	60.000.000	6.885.000	398.667.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	333.992.000	60.000.000	-	393.992.000
5	Lê Thị Oanh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
7	Lê Văn Chính	Trưởng ban kiểm soát	313.300.000	-	3.375.000	316.675.000
8	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên BKS	186.220.000	60.000.000	6.075.000	252.295.000
9	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên BKS	152.724.220	60.000.000	2.700.000	215.424.220
10	Lê Nguyễn Vũ	Kế toán trưởng	312.157.000	-	6.750.000	318.907.000
11	Nguyễn Quốc Tuấn	Thư ký HĐQT-Người quản trị	183.503.000	124.800.000	4.050.000	312.353.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.174.286.220</b>	<b>640.800.000</b>	<b>37.125.000</b>	<b>2.852.211.220</b>

STT	Ban QLDH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022			
			Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	-	120.000.000
2	Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	375.805.000	96.000.000	-	471.805.000
3	Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	346.806.000	60.000.000	-	406.806.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	348.272.000	60.000.000	-	408.272.000
5	Lê Thị Oanh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
6	Lê Văn Chính	Trưởng ban kiểm soát	322.955.000	-	-	322.955.000
7	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên BKS	178.604.000	60.000.000	-	238.604.000
8	Phan Thị Lam	Thành viên BKS	-	15.000.000	-	15.000.000
9	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên BKS	127.720.979	40.000.000	-	167.720.979
10	Lê Nguyễn Vũ	Kế toán trưởng	324.558.000	-	-	324.558.000
11	Nguyễn Quốc Tuấn	Thư ký HĐQT-Người quản trị	179.984.000	124.800.000	-	304.784.000
<b>Cộng</b>			<b>2.204.704.979</b>	<b>635.800.000</b>	<b>-</b>	<b>2.840.504.979</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu giá vốn của Công ty theo khu vực địa lý chỉ phát sinh trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**Năm nay**

STT	Chỉ tiêu/lĩnh vực	Bán thùng rác	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải, chăm sóc duy trì cây xanh, điện chiếu sáng công cộng	Xây dựng mộ, dịch vụ xây lắp sửa chữa và đường	Hoạt động tài chính	Cộng
1	Doanh thu	74.598.143	150.476.724.732	20.678.547.811	3.698.348.963	<b>174.928.219.649</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	4.516.543.940	5.823.064	-	<b>4.522.367.004</b>
3	Giá vốn	55.268.534	125.195.556.260	17.964.967.149	194.743.391	<b>143.410.535.334</b>
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho từng hoạt động	5.472.659	11.039.253.993	1.517.016.947	271.317.798	<b>12.833.061.397</b>
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.856.950	9.725.370.539	1.190.740.651	3.232.287.774	<b>14.162.255.914</b>

**Năm trước**

STT	Chỉ tiêu/lĩnh vực	Bán thùng rác	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải, chăm sóc duy trì cây xanh, điện chiếu sáng công cộng	Xây dựng mộ, dịch vụ xây lắp sửa chữa và đường	Hoạt động khác	Cộng
1	Doanh thu	51.220.702	137.747.501.348	29.767.833.530	2.256.487.281	<b>169.823.042.861</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	973.030.622	12.102.728	-	<b>985.133.350</b>
3	Giá vốn	37.761.085	113.187.828.410	27.066.175.183	202.102.866	<b>140.493.867.544</b>
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho từng hoạt động	3.617.297	9.727.973.832	2.102.257.411	159.357.150	<b>11.993.205.690</b>
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.842.320	13.858.668.484	587.298.208	1.895.027.265	<b>16.350.836.277</b>

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYÊN VŨ

Đông Giám đốc



BUI VĂN QUÝ

